

BTL, ngày 11 tháng 12 năm 2023

Số: 120/2023/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
C NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 04 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. C nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 31 ngõ 193/192, TDP số 16, phường P, quận BTL, thành phố Hà Nội;

Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1973

Nơi đăng ký HKTT: TDP số 17 phường P, quận BTL, thành phố Hà Nội;

+ Bà Phạm Thị E, sinh năm 1976

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 4, xã B, Hện B, tỉnh Bình Phước;

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2001

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 4, xã B, Hện B, tỉnh Bình Phước;

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2003

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã B, Hện B, tỉnh Bình Phước;.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Phạm Thị E và anh Nguyễn Văn H là

anh Nguyễn Văn H; sinh năm 2001; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 4, xã B, Hện B, tỉnh Bình Phước;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cụ Nguyễn Thị H, sinh năm 1926

Nơi đăng ký HKTT: Số 94 đường N, TDP số 17, phường P, quận BTL, thành phố Hà Nội;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Các đương sự xác định:

+ Ông Nguyễn Văn H được sử dụng thửa đất số 256 + 259, tờ bản đồ số 06, tổng diện tích 118.6 m²; Trong đó diện tích sử dụng riêng là 86.5 m² và sử dụng chung 32.1m²; địa chỉ: TDP số 17, đường P, quận BTL, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 151045 do UBND Hện Từ Liêm cấp ngày 14/10/2010. Được giới hạn bởi các điểm 8, 9, 10, 11, 12, 13, 19, 18, 17, 8 và các điểm 3, 4, 17, 18, 3.

+ Anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị E được sử dụng thửa đất số 91,259 tờ bản đồ số 6, diện tích: 115,4 m² (Trong đó ngõ đi chung là 32.1m²); địa chỉ: TDP số 17, đường P, quận BTL, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 702132 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 26/01/2022. Được giới hạn bởi các điểm 8, 9, 10, 11, 13, 19, 18, 17, 8 và các điểm 4, 5, 6, 7, 8, 17, 4.

+ Ông Nguyễn Đình C được sử dụng thửa đất số 257+ 259, tờ bản đồ số 06; ; Trong đó diện tích sử dụng riêng là 89.7 m² và sử dụng chung 32.1m²; địa chỉ: TDP số 17, đường P, quận BTL, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 151046 do UBND Hện Từ Liêm cấp ngày 14/10/2010. Được giới hạn bởi các điểm 8, 9, 10, 11, 12, 13, 19, 18, 17, 8 và các điểm 2, 3, 18, 19, 2.

+ Phần diện tích thửa đất số 91,259 chồng lấn sang thửa đất số (256 +259) là 1.1m² và chồng lấn lên thửa đất số (257+ 259) là 1.3m².

2. Các bên thỏa thuận như sau:

+ Anh Nguyễn Văn H và các đồng sở hữu thửa đất 91,259 tờ bản đồ số 6; địa chỉ: TDP số 17, đường P, quận BTL, thành phố Hà Nội tháo dỡ C trình xây lần chiếm và trả lại cho ông Nguyễn Văn H quyền sử dụng đất đã lấn chiếm diện tích 1.1m² và trả cho ông Nguyễn Đình C phần quyền sử dụng đất đã lấn chiếm là 1.3m².

(Chi tiết mốc giới các thửa có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

+ Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/20205/0042795 ngày 15/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận BTL, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh Huệ